



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM (IDJ INVESTMENT)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/06/2015 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ thành Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: IDJ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên
	Ông Trần Vũ Phương	Thành viên
	Ông Đàm Đại Thắng	Thành viên
	Ông Trần Việt Phương	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trung Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/4/2016
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/4/2016

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 537/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa hợp nhất niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.436.377.062	18.234.694.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.177.984.773	5.833.765.198
1. Tiền	111		677.984.773	1.833.765.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	8.588.000.000	5.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.588.000.000	1.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.107.886.282	6.147.319.177
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.030.519.194	9.007.689.979
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		341.551.603	411.387.718
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	20.594.273.982	10.586.699.977
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(13.858.458.497)	(13.858.458.497)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		562.506.007	453.610.494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	118.129.112	10.449.989
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		443.799.611	443.137.766
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	577.284	22.739
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.382.242.886	259.104.512.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		613.609.087	308.680.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	613.609.087	308.680.000
II. Tài sản cố định	220		19.923.254.485	20.105.274.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	3.378.587.413	3.472.437.061
- Nguyên giá	222		5.408.227.127	5.408.227.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.029.639.714)	(1.935.790.066)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	16.544.667.072	16.632.837.804
- Nguyên giá	228		16.897.350.000	16.897.350.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.682.928)	(264.512.196)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	154.181.346.989	156.065.255.995
1. Nguyên giá	231		176.145.492.168	176.145.492.168
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.964.145.179)	(20.080.236.173)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	66.145.858.119	65.630.998.316
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		61.145.858.119	61.630.998.316
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	4.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.518.174.206	16.994.303.767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	6.963.329.762	6.823.459.323
5. Lợi thế thương mại	269		9.554.844.444	10.170.844.444
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		286.818.619.948	277.339.207.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		15.711.100.740	3.047.832.000
I. Nợ ngắn hạn	310		12.657.774.807	2.290.611.347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		95.062.359	95.062.359
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.845.986.025	513.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	182.986.930	538.755.605
4. Phải trả người lao động	314		90.959.338	144.764.999
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.867.890.820	407.286.398
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	430.390.371	430.315.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	5.484.137.040	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		660.361.924	673.913.624
II. Nợ dài hạn	330		3.053.325.933	757.220.653
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	3.053.325.933	757.220.653
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		271.107.519.208	274.291.375.812
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	271.107.519.208	274.291.375.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		326.000.000.000	326.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(56.433.524.607)	(53.249.931.018)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(54.074.255.692)	(52.746.800.219)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.359.268.915)	(503.130.799)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.043.815	18.306.830
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		286.818.619.948	277.339.207.812

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thúy Quỳnh

Lê Thị Quy



Nguyễn Hoàng Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	5.687.206.285	10.551.191.721
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	-	3.550.800.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.687.206.285	7.000.391.721
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	7.918.264.527	6.272.081.671
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(2.231.058.242)	728.310.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	82.753.800	1.211.030.074
7. Chi phí tài chính	22	5.19	9.485.647	84.411.347
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.485.647	84.411.347
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.013.784.477	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.20	86.795.338	12.685.232
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	2.143.187.524	2.329.847.321
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(2.373.988.474)	(487.603.776)
12. Thu nhập khác	31	5.21	94.903.200	182.966.679
13. Chi phí khác	32	5.21	80.446.656	77.461.397
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	14.456.544	105.505.282
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(2.359.531.930)	(382.098.494)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.359.531.930)	(382.098.494)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(2.359.268.915)	(381.851.237)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(263.015)	(247.257)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	(72,378)	(11,72)

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thúy Quỳnh

Lã Thị Quy

Nguyễn Hoàng Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
		VND	VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	(2.359.531.930)	(382.098.494)
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	2.065.929.386	5.894.478.796
- Các khoản dự phòng	03	-	(349.120.355)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(82.753.800)	(1.183.568.677)
- Chi phí lãi vay	06	9.485.647	84.411.347
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(339.184.477)	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(706.055.174)	4.064.102.617
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.650.712.582)	(1.108.080.811)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	8.017.230.681	6.634.910.385
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(247.549.562)	759.566.804
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.485.647)	(74.331.437)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(838.098.981)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.434.671.265)	10.276.167.558
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	50.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.288.000.000)	(6.500.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.500.000.000	2.500.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	82.753.800	373.730.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.705.246.200)	(3.576.269.926)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền thu từ cho vay	33	12.484.137.040	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.000.000.000)	(5.355.493.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.484.137.040	(5.355.493.390)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.655.780.425)	1.344.404.242
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.833.765.198	4.050.712.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.177.984.773	5.395.117.097

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016
Tổng Giám đốc

Phạm Thúy Quỳnh

Lê Thị Quy



Nguyễn Hoàng Linh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/06/2015 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ thành Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102186593 ngày 19/6/2015 là: 326.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: IDJ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400345569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 04/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10 tháng 3 năm 2015. Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam mua 2.268.000 cổ phần tương ứng sở hữu 99% vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: 22.700.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ lưu trú (khách sạn, Biệt thự và căn hộ kinh doanh du lịch lưu trú ngắn hạn), dịch vụ ăn uống, trồng cây, chăn nuôi...

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty con.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường));
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện));
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Cho thuê ngắn hạn và dài hạn Văn phòng.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2016, Công ty có Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Khách sạn, du lịch	99,91%	99,91%
Công ty liên doanh			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ - AEC	Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục và cung cấp dịch	22,33%	22,33%
- Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Dịch vụ quản lý BĐS, quản lý tài sản	45%	45%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Cung cấp dịch vụ giáo dục	33,58%	33,58%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Việt Hàn	Dịch vụ tiệc cưới, nhà hàng	40%	40%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty con của Công ty Cổ phần IDJ Việt Nam là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán (Tiếp)

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

(Số năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Xóm Nước Vải, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm lợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết rày hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh cho thuê ngắn hạn và dài hạn văn phòng, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	53.349.692	26.632.158
Tiền gửi ngân hàng	624.635.081	1.807.133.040
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	3.500.000.000	4.000.000.000
Tổng	4.177.984.773	5.833.765.198

(*) Hợp đồng tiền gửi số 04.2015/HĐTĐ và số 05.2015/HĐTĐ ngày 25/12/2015, Hợp đồng tự động gia hạn có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất được thỏa thuận theo thông báo gia hạn.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	8.588.000.000	8.588.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000
- Đầu tư chứng khoán kinh doanh (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	4.288.000.000	4.288.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản đầu tư khác (***)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tổng	8.588.000.000	8.588.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000

(*) Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư DPA, số lượng cổ phần: 400.000 Cổ phần.

(**) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn số 01/2016/2339326/HĐTG ngày 23/02/2016 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng số tiền 288.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng), kỳ hạn 1 năm, lãi suất 6%/năm. Hợp đồng tự gia hạn theo lãi suất thỏa thuận trên thông báo.

Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn số 02/2016/2339326/HĐTG ngày 13/5/2016 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 5,4%/năm. Hợp đồng tự gia hạn theo lãi suất thỏa thuận trên thông báo.

Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn số 03/2016/2339326/HĐTG ngày 08/6/2016 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 5%/năm. Hợp đồng tự gia hạn theo lãi suất thỏa thuận trên thông báo.

Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn số 04/2016/2339326/HĐTG ngày 06/01/2016 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 5%/năm. Hợp đồng tự gia hạn theo lãi suất thỏa thuận trên thông báo.

(***) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/8/2012 khu vui chơi Funworld.

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	9.030.519.194	9.007.689.979
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ	5.218.619.807	4.975.340.683
Một số đối tượng khác	3.811.899.387	4.032.349.296
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	5.218.619.807	4.975.340.683
Công ty liên kết "Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ"	5.218.619.807	4.975.340.683
Tổng	9.030.519.194	9.007.689.979

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	20.594.273.982	10.129.382.453	10.586.699.977	10.129.382.453
- Hợp tác đầu tư	10.000.000.000	-	-	-
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	9.914.418.653	9.914.418.653	9.914.418.653	9.914.418.653
- Phải thu khác	404.094.901	214.963.800	463.699.067	214.963.800
- Tạm ứng	272.267.043	-	208.582.257	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	3.493.385	-	-	-
Dài hạn	613.609.087	-	308.680.000	-
- Ký cược, ký quỹ	313.609.087	-	8.680.000	-
- Cho mượn	300.000.000	-	300.000.000	-
Tổng	21.207.883.069	10.129.382.453	10.895.379.977	10.129.382.453

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	13.858.458.497	-	13.858.458.497	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	-	-	-	9.914.418.653
Các đối tượng khác	-	-	-	3.944.039.844

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	118.129.112	10.449.989
Chi phí thi công nội thất văn phòng	109.504.125	-
Các khoản khác	8.624.987	10.449.989
Dài hạn	6.963.329.762	6.823.459.323
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	4.285.916.582	4.338.938.395
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.603.947.213	1.622.899.296
Các khoản khác	-	193.648.475
Chi phí thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	468.705.997	483.105.997
Công cụ dụng cụ	156.325.111	184.867.160
Chi phí dịch vụ tại TTTM	448.434.859	-
Tổng	7.081.458.874	6.833.909.312

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	3.753.986.005	1.148.538.373	505.702.749	5.408.227.127
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	3.753.986.005	1.148.538.373	505.702.749	5.408.227.127
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	281.548.944	1.148.538.373	505.702.749	1.935.790.066
Tăng trong kỳ	93.849.648	-	-	93.849.648
Khấu hao trong kỳ	93.849.648	-	-	93.849.648
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	375.398.592	1.148.538.373	505.702.749	2.029.639.714
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	3.472.437.061	-	-	3.472.437.061
Tại 30/6/2016	3.378.587.413	-	-	3.378.587.413

5.8 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại: Xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

5.9 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	176.145.492.168	-	-	176.145.492.168
- Nhà và quyền sử dụng đất	176.145.492.168	-	-	176.145.492.168
Giá trị hao mòn lũy kế	20.080.236.173	1.883.909.006	-	21.964.145.179
- Nhà và quyền sử dụng đất	20.080.236.173	1.883.909.006	-	21.964.145.179
Giá trị còn lại	156.065.255.995	-	1.883.909.006	154.181.346.989
- Nhà và quyền sử dụng đất	156.065.255.995	-	1.883.909.006	154.181.346.989

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM (IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2016		01/01/2016			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			62.717.485.100	61.145.858.119	-	62.717.485.100	61.630.998.316	-
Đầu tư vào Công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ - AEC	22,33%	22,33%	42.446.485.100	45.258.654.410	-	42.446.485.100	45.536.739.435	-
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	45,00%	45,00%	9.900.000.000	7.851.611.341	-	9.900.000.000	7.997.245.171	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	33,58%	33,58%	2.371.000.000	97.013.710	-	2.371.000.000	97.013.710	-
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Việt Hàn	40,00%	40,00%	8.000.000.000	7.938.578.658	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			5.000.000.000	5.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dreamworks	5%	5%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-
Tổng			67.717.485.100	66.145.858.119	-	66.717.485.100	65.630.998.316	-

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2016
Phải nộp	538.755.605	467.700.838	823.469.513	182.986.930
Thuế giá trị gia tăng	116.013.968	301.938.757	237.379.009	180.573.716
Thuế thu nhập cá nhân	49.832.398	62.751.964	110.171.148	2.413.214
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	23.682.500	23.682.500	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	372.909.239	79.327.617	452.236.856	-
Phải thu	22.739	523.223	1.077.768	577.284
Thuế thu nhập cá nhân	22.739	-	-	22.739
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	523.223	1.077.768	554.545

5.12 Phải trả khác

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	430.390.371	430.315.000
Bảo hiểm thất nghiệp	75.371	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	424.740.000	424.740.000
Phải trả, phải nộp khác	5.575.000	5.575.000
Dài hạn	3.053.325.933	757.220.653
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	3.053.325.933	757.220.653
Tổng	3.483.716.304	1.187.535.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM (IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
Vay						
Vay ngắn hạn	5.484.137.040	5.484.137.040	12.484.137.040	7.000.000.000	-	-
Thấu chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	5.484.137.040	5.484.137.040	12.484.137.040	7.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	5.484.137.040	5.484.137.040	12.484.137.040	7.000.000.000	-	-

Hợp đồng thấu chi số 01/2016/2339326/HĐHMTCTC ngày 13/6/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thấu chi số 01/2016/PLHĐHMTCTC ngày 24/6/2016; tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, hạn mức thấu chi tối đa 7.000.000.000 đồng và giám dân trên cơ sở giá trị đảm bảo; lãi suất 6,5%/năm; thời hạn đến hết 08/9/2016.

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	326.000.000.000	1.523.000.000	(52.746.800.219)	18.799.523	274.794.999.304
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	41.269.843	(492.693)	40.777.150
Giảm khác	-	-	(544.400.642)	-	(544.400.642)
Số dư tại 31/12/2015	326.000.000.000	1.523.000.000	(53.249.931.018)	18.306.830	274.291.375.812
Số dư tại 01/01/2016	326.000.000.000	1.523.000.000	(53.249.931.018)	18.306.830	274.291.375.812
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	(2.359.268.915)	(263.015)	(2.359.531.930)
Giảm khác (*)	-	-	(824.324.674)	-	(824.324.674)
Số dư tại 30/6/2016	326.000.000.000	1.523.000.000	(56.433.524.607)	18.043.815	271.107.519.208

(*) Điều chỉnh do đánh giá lại số dư khoản đầu tư Công ty liên doanh liên kết đầu kỳ.

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	326.000.000.000	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	326.000.000.000	326.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 Cổ phiếu	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	5.687.206.285	10.521.459.158
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	29.732.563
Tổng	5.687.206.285	10.551.191.721

5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Hàng bán bị trả lại	-	3.550.800.000
Tổng	-	3.550.800.000

5.17 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	7.918.264.527	6.272.081.671
Tổng	7.918.264.527	6.272.081.671

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.753.800	373.730.074
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	837.300.000
Tổng	82.753.800	1.211.030.074

5.19 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền vay	9.485.647	84.411.347
Tổng	9.485.647	84.411.347

5.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí bán hàng	86.795.338	12.685.232
Chi phí nhân viên	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.795.338	12.685.232
Chi phí quản lý	2.143.187.524	2.329.847.321
Chi phí nhân viên quản lý	824.038.429	1.313.817.633
Chi phí vật liệu quản lý	-	55.465.142
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.493.426	7.404.307
Chi phí khấu hao TSCĐ	182.020.380	182.020.380
Thuế phí và lệ phí	27.693.500	50.965.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.036.442	369.835.662
Chi phí bằng tiền khác	142.905.347	83.459.035
Lợi thế thương mại	616.000.000	616.000.000
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(349.120.355)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(349.120.355)
Tổng	2.229.982.862	2.342.532.553

5.21 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập khác		
Xử lý công nợ đặt cọc	94.903.200	99.287.652
Bán vật tư, CCDC	-	50.000.000
Cho thuê ô tô	-	15.272.727
Thu nhập khác	-	18.406.300
Tổng	94.903.200	182.966.679
Chi phí khác		
Chi phí bán vật tư, CCDC	-	77.461.397
Phạt thuế	79.923.433	-
Chi phí khác	523.223	-
Tổng	80.446.656	77.461.397
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	14.456.544	105.505.282

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(2.359.531.930)	(382.098.494)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.359.531.930)	(382.098.494)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	32.600.000	32.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(72,378)	(11,72)

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	824.038.429	55.465.142
Chi phí nhân công	54.493.426	1.325.484.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2.065.929.386	182.020.380
Chi phí dự phòng	-	(349.120.355)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.615.318.289	406.927.475
Chi phí khác bằng tiền	142.905.347	98.351.304
Tổng	9.702.684.877	1.719.128.246

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ Asset	Thuê tài sản, bán dụng cụ thanh lý	5.218.619.807	4.975.340.683

Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Công ty CP Quản lý Tài sản IDJ Asset	Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	242.277.175	5.278.744.785
	Bán công cụ	-	50.000.000

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	Lương và thù lao	408.290.602	670.391.667
Tổng		408.290.602	670.391.667

6.2 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit ở Hà Nội, cả hai hoạt động đều là kinh doanh bất động sản nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phạm Thúy Quỳnh

Lê Thị Quy

Nguyễn Hoàng Linh